

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 01

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP
ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định
về định danh và xác thực điện tử**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử

1. Bổ sung khoản 12 vào sau khoản 11 Điều 3 như sau:

“12. Tài khoản hưởng an sinh xã hội trên Ứng dụng định danh quốc gia là tập hợp gồm các thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân và tài khoản ngân hàng, ví điện tử, ví điện tử viễn thông và các loại tài khoản thanh toán khác được cơ quan, tổ chức, cá nhân tích hợp trên Ứng dụng định danh quốc gia phục vụ chi trả các khoản hỗ trợ, hưu trí, bảo hiểm và các khoản chi trả khác từ cơ quan nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

13. Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử là đơn vị trực thuộc Bộ Công an được giao quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử, ứng dụng định danh quốc gia”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân được khai thác và sử dụng danh tính điện tử, thông tin, giấy tờ đã tích hợp trên Ứng dụng định danh quốc gia khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện giao dịch

dân sự, thương mại, cung cấp dịch vụ công, dịch vụ tư và các hoạt động khác trong đời sống xã hội, không yêu cầu công dân nộp, xuất trình bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu đã được tích hợp trên Ứng dụng định danh quốc gia. Việc khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên ứng dụng định danh quốc gia được miễn, giảm phí, lệ phí theo danh mục phí, lệ phí tại Phụ lục số 01 (*Ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13*).”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“ Điều 7. Phân loại, đối tượng được cấp tài khoản định danh điện tử

Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử như sau:

1. Đối với công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên đã được cấp thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước còn hiệu lực được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02.

Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi đã được cấp thẻ căn cước được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu. Công dân Việt Nam dưới 6 tuổi đã được cấp thẻ căn cước được cấp tài khoản định danh mức độ 01 khi có nhu cầu.

2. Đối với người nước ngoài từ đủ 06 tuổi trở lên được phép cư trú hợp pháp tại Việt Nam từ 90 ngày trở lên hoặc có thị thực dài hạn tại Việt Nam còn hiệu lực được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu. Người nước ngoài dưới 06 tuổi được phép cư trú hợp pháp tại Việt Nam từ 90 ngày trở lên hoặc có thị thực dài hạn tại Việt Nam còn hiệu lực được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 khi có nhu cầu.

3. Người Việt Nam, người nước ngoài đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài sử dụng tài khoản định danh điện tử, các tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia thông qua nền tảng kết nối, liên thông quốc tế về định danh và xác thực điện tử đặt tại nước ngoài.

4. Đối với cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử không phân biệt theo mức độ.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, giấy tờ trong hệ thống định danh và xác thực điện tử

1. Thông tin, giấy tờ của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác liên quan đến danh tính điện tử, thông tin đã tích hợp lên tài khoản định danh điện tử có sự thay đổi thì được tự động cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2. Thông tin, giấy tờ của cơ quan, tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác liên quan đến danh tính điện tử được tự động cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử để tạo lập số định danh và tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động định danh và xác thực điện tử.

3. Giấy tờ liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp được tích hợp, cập nhật vào hệ thống định danh và xác thực điện tử, hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin, giấy tờ trong hệ thống định danh và xác thực điện tử phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó.

5. Cá nhân được khai thác thông tin, giấy tờ của mình trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.

6. Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này khi khai thác thông tin, giấy tờ cá nhân trong hệ thống định danh và xác thực điện tử phải được sự đồng ý của Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử và cá nhân là chủ thể của thông tin, giấy tờ được khai thác. Trường hợp khai thác thông tin, giấy tờ của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập, xác thực, tích hợp thông tin, giấy tờ, theo nhu cầu (bao gồm thông tin, giấy tờ do cơ quan nhà nước quản lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác quản lý, tài khoản nhận an sinh xã hội) và sử dụng các tính năng, tiện ích trên Ứng dụng định danh quốc gia, trang thông tin định danh điện tử có địa chỉ dinhdanhdientu.gov.vn hoặc vneid.gov.vn hoặc các tiện ích khác trên các ứng

dụng, phần mềm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đã được kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tài khoản định danh điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thể danh tính điện tử. *Nhà nước có chính sách khuyến khích sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập sử dụng các giao dịch điện tử phục vụ các hoạt động tín dụng, viễn thông, giao thông, thương mại điện tử, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu và các hoạt động thiết yếu khác.*”

c) Bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10 vào sau khoản 7 như sau:

“8. *Chủ thể danh tính điện tử sử dụng Ứng dụng định danh quốc gia để tạo lập, gửi hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính. Hệ thống định danh và xác thực điện tử chuyển hồ sơ đến Cổng dịch vụ công quốc gia, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Cổng dịch vụ công quốc gia và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.*

9. *Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác thực hiện việc chi trả các khoản hỗ trợ, hưu trí, bảo hiểm và các khoản chi trả khác từ cơ quan nhà nước được kết nối, khai thác thông tin về tài khoản hưởng an sinh xã hội trực tiếp với hệ thống định danh và xác thực điện tử theo quy định.*

10. *Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng Ứng dụng định danh quốc gia để thông báo, trao đổi thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định.”*

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. *Đối với tổ chức: thời gian 10 ngày kể từ ngày Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.*”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam

a) Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử của công dân khi căn cước điện tử của công dân bị khóa, mở khóa.

b) *Trường hợp thẻ Căn cước, thông tin, giấy tờ đã hết hạn, hết hiệu lực thì hệ thống định danh và xác thực điện tử không hiển thị Căn cước điện tử và các thông tin, giấy tờ tích hợp vào tài khoản định danh điện tử kể từ ngày thẻ Căn cước, thông tin, giấy tờ đã hết hạn, hết hiệu lực. Hệ thống định danh và xác thực điện tử cảnh báo thẻ Căn cước, thông tin, giấy tờ đã hết hạn, hết*

hiệu lực để công dân chủ động thực hiện gia hạn thẻ Căn cước, thông tin, giấy tờ theo quy định pháp luật.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thẩm quyền cấp, khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức

Thủ trưởng Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử có thẩm quyền cấp, khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Điều kiện, trình tự kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công, tổ chức được giao thực hiện các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước, chi trả các khoản hỗ trợ, hưu trí, bảo hiểm và các khoản chi trả khác được kết nối hệ thống thông tin do mình quản lý với hệ thống định danh và xác thực điện tử cần bảo đảm Hệ thống thông tin đang quản lý đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi văn bản đề nghị kèm tài liệu chứng minh Hệ thống thông tin đang quản lý đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu cấp độ 3 (đã được các đơn vị chức năng của Bộ Công an kiểm tra, đánh giá trong vòng 06 tháng) đến đơn vị thuộc Bộ Công an được ủy quyền quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử, trong đó nêu rõ phạm vi và mục đích thực hiện kết nối.

3. Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và tài liệu kèm theo, đơn vị trực thuộc Bộ Công an được giao quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử tiến hành thẩm định, kiểm tra thực tế cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối. Trường hợp đồng ý cho phép kết nối thì Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức và tiến hành thực hiện kết nối.

Trường hợp không đồng ý cho phép kết nối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng dịch vụ xác thực điện tử thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

5. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử được kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử để cung cấp dịch vụ xác thực điện tử không phải thực hiện thủ tục quy định tại Điều này.

6. Việc xác thực, khai thác, sử dụng dữ liệu danh tính, thông tin tích hợp và các thông tin khác từ hệ thống định danh không được chia sẻ, cung cấp cho cá nhân, tổ chức khác. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:

“2. Trình tự, thời hạn giải quyết:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Công an hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của Bộ Công an;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an có trách nhiệm lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan bằng văn bản;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công an, bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và có ý kiến trả lời bằng văn bản gửi Bộ Công an;

đ) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thực hiện việc thẩm định, kiểm tra thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo mẫu XT03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.”

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an có trách nhiệm thẩm định, cấp xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối thay đổi phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin về phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử quy định

tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thì trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thực hiện việc thẩm định, lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, kiểm tra thực tế và cấp xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối thay đổi phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 5 như sau:

“b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an xem xét và cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; trường hợp từ chối cấp lại phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

12. Bổ sung khoản 1 vào Điều 28 như sau:

“1. Căn cước điện tử được thể hiện dưới dạng một tính năng, tiện ích của Ứng dụng định danh quốc gia thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử của công dân. Hình thức Căn cước điện tử hiển thị trong Ứng dụng định danh quốc gia giống hình thức thẻ Căn cước, thông tin Căn cước điện tử hiển thị trong Ứng dụng định danh quốc gia là thông tin được cập nhật trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.”

13. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 32 như sau:

“4. Các nền tảng số quốc gia phải tích hợp việc sử dụng tài khoản định danh điện tử trong xác thực, đăng nhập, thực hiện các giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.”

14. Bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 vào sau khoản 2 Điều 33 như sau:

“3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin yêu cầu đề nghị tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia;

b) Bảo mật, bảo vệ tài khoản định danh điện tử, danh tính điện tử;

c) Kiến nghị, phản ánh kịp thời các thông tin, dữ liệu còn thiếu, sai sót trên ứng dụng VNeID;

d) Trung thực, không tạo đăng ký, nộp nhiều hồ sơ giải quyết dịch vụ công khi không cần thiết, tránh gây quá tải công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ cho cán bộ xử lý;

e) Tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh, an toàn thông tin mạng, trường hợp vi phạm, tùy từng mức độ sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công, tổ chức được giao thực hiện các nhiệm vụ chi trả các khoản hỗ trợ, hưu trí, bảo hiểm và các khoản chi trả khác phải kết nối hệ

thống định danh và xác thực điện tử để khai thác tài khoản hưởng an sinh xã hội để thực hiện việc chi trả qua hình thức chuyển khoản.

5. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác phục vụ dịch vụ công phải đăng ký, phát triển các tiện ích trên cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên ứng dụng VNeID để phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công. Đối với các trường hợp khác không phục vụ dịch vụ công, thủ tục hành chính thì đăng ký phát triển theo nhu cầu.

6. Điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký, phát triển tiện ích dùng chung trên ứng dụng VNeID phục vụ thủ tục hành chính, dịch vụ công và các tiện ích khác:

a) Đáp ứng điều kiện kết nối hệ thống định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định này;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử đề nghị đăng ký, phát triển các tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia trong đó nêu rõ: phạm vi, mục đích, dữ liệu cần khai thác, tần suất, số lượng người truy cập sử dụng, tài nguyên, dung lượng bộ nhớ cần sử dụng để cung cấp tiện ích;

c) Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và tài liệu kèm theo, Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử tiến hành thẩm định, đánh giá nội dung đăng ký. Trường hợp đồng ý cho phép phát triển tiện ích thì Cơ quan vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và cung cấp các công cụ phát triển ứng dụng và hướng dẫn thực hiện tích hợp. Trường hợp không đồng ý cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải thanh toán chi phí đăng ký phát triển các tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia.”.

15. Bổ sung khoản 11, khoản 12 vào sau khoản 10 Điều 34 như sau:

“11. Bộ Công an đầu tư, nâng cấp hệ thống định danh và xác thực điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo vận hành ổn định, sẵn sàng phục vụ tối thiểu **10%** dân số Việt Nam truy cập hệ thống định danh và xác thực điện tử, sử dụng ứng dụng định danh quốc gia đồng thời tại cùng một thời điểm và bổ sung, đáp ứng các quy định tại Nghị định này; xây dựng nền tảng kết nối, liên thông quốc tế về định danh và xác thực điện tử đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

12. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành đồng bộ các thông tin, giấy tờ trên VNeID đảm bảo kịp thời, hiệu quả; tổ chức kiểm tra đảm bảo các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh, an toàn thông tin. Trường hợp không đảm bảo các quy định về đồng bộ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh, an toàn thông tin thì tùy theo mức độ vi phạm, Bộ Công an có thông báo đến Thủ trưởng các

bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan, đơn vị để xem xét phê bình, xử lý kỷ luật hoặc xử lý trách nhiệm hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.”.

16. Sửa đổi, bổ sung điều 35 như sau:

“Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và công nghệ

1. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2. Định kỳ hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố các nền tảng số quốc gia do các bộ, ngành, doanh nghiệp triển khai.”.

17. Bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 vào sau khoản 3 Điều 36 như sau:

“4. Ban hành hướng dẫn chi tiết về việc chi trả các khoản hỗ trợ, hưu trí, bảo hiểm và các khoản chi trả khác qua tài khoản hưởng an sinh xã hội trên Ứng dụng định danh quốc gia.

5. Quy định cụ thể về mức miễn, giảm phí, lệ phí đối với các nội dung thuộc thẩm quyền. Tham mưu Chính phủ báo cáo ủy Ban Thường vụ Quốc hội đối với các nội dung không thuộc thẩm quyền ban hành **trước 1/7/2026**.

6. Bố trí ngân sách, nguồn vốn để các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh/ thành phố đảm bảo triển khai thực hiện.”.

18. Bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 vào sau khoản 3 Điều 39 như sau:

“4. Thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử để chi trả các khoản hỗ trợ, hưu trí, bảo hiểm và các khoản chi trả khác qua tài khoản hưởng an sinh xã hội trên Ứng dụng định danh quốc gia.

5. Phối hợp với Bộ Công an triển khai phương án tích hợp, cập nhật các giấy tờ liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương (ban hành kèm theo Nghị định này) từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào hệ thống định danh và xác thực điện tử. Hàng năm, thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật danh mục để đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

6. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác có trách nhiệm cập nhật thành công thông tin, giấy tờ tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia trước khi cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác; Trường hợp khách quan chưa thể thực hiện tại thời điểm phát sinh thay đổi thì thời gian cập nhật, đồng bộ trên ứng dụng định danh quốc gia không quá 24h00 kể từ thời điểm phát sinh dữ liệu cập nhật và không quá 05 phút trong trường hợp công dân có yêu cầu cập nhật trực tiếp trên ứng dụng định danh quốc gia.”.

19. Bổ sung khoản 9, khoản 10 vào sau khoản 8 Điều 40 như sau:

“9. Tài khoản giao dịch trực tuyến ngoài các quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 40 Nghị định 69/2024/NĐ-CP trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, chứng khoán, viễn thông, ngân hàng, thương mại điện tử, hợp đồng điện tử,

mạng xã hội, các dịch vụ xuyên biên giới, quốc phòng an ninh phải được xác thực, đăng nhập, liên kết với tài khoản định danh điện tử trước khi sử dụng.

10. Các tài khoản giao dịch trực tuyến đã tạo lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì phải thực hiện xác thực, đăng nhập, liên kết với tài khoản định danh điện tử chậm nhất trước ngày 01/7/2026.

11. Đối với các lĩnh vực khác ngoài quy định tại Điều này, Bộ trưởng, các cơ quan ngang bộ ban hành danh mục cụ thể các giao dịch trực tuyến trên các lĩnh vực bắt buộc xác thực, đăng nhập, liên kết với tài khoản định danh điện tử.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện, Bộ Công an phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp xử lý các vấn đề theo chức năng quản lý nhà nước. Trường hợp cần thiết báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Chí Dũng